SỞ Y TẾ QUẢNG NINH
BỆNH VIỆN SẢN NHI

Số: 479/BVSN-KD

V/v mời chào giá hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm khí máu, hóa chất, vật tư cho khoa Hỗ trợ sinh sản và đơn nguyên Di truyền của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 25 tháng 8 năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu mua sắm hóa chất sử dụng cho máy xét nghiệm khí máu, hóa chất, vật tư cho khoa Hỗ trợ sinh sản và đơn nguyên Di truyền của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh thuộc dự toán Mua sắm vật tư y tế, hóa chất xét nghiệm năm 2023-2024 của Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Phạm Anh Tuân, Phó khoa – Phụ trách khoa Dược, SĐT: 0915.694.888, email: duocsannhi@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh – khu Minh Khai, phường Đại Yên, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.
- Nhận qua email: duocsannhi@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: Từ 08h ngày 25 tháng 8 năm 2023 đến trước 17h ngày 05 tháng 9 năm 2023.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 05 tháng 9 năm 2023.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế/ linh kiện, phụ kiện, vật tư thay thế sử dụng cho trang thiết bị y tế (gọi chung là thiết bị).

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Hộp CARTRIDE đo nồng độ các khí trong máu động mạch	Hộp CARTRIDE đo nồng độ các khí trong máu động mạch. Đo tối thiểu các thông số (pH, PCO2, PO2 , Na+, K+, Ca++, Hematocrit, Glucose, Lactate) tương thích với máy GEM PREMIER 3000. Hộp ≥ 150 test. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Hộp	25
2	Hoá chất sàng lọc di truyền trước chuyển phôi	Kit dùng trong sàng lọc di truyền trước chuyển phôi: phát hiện các bất thường liên quan đến số lượng nhiễm sắc thể của toàn bộ nhiễm sắc thể của phôi bào ở ngày 3 hoặc ngày 5 sử dụng công nghệ giải trình tự gen. Bao gồm hóa chất từ bước khuếch đại hệ gen tới chuẩn bị thư viện và giải trình tự. Tương thích với hệ thống Miseq/Miseq Dx. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Kit	10
3	Bộ kit sàng lọc bất thường về di truyền trước chuyển phôi loại 1	Kit sàng lọc di truyền trước chuyển phôi: phát hiện các bất thường số lượng NST của bộ NST từ mẫu sinh thiết phôi bào, tế bào lá nuôi. Tương thích với hệ thống giải trình tự gen Miseq/Miseq Dx, cơ chế sinh tổng hợp. Bao gồm hóa chất cho ≥ 96 mẫu từ bước chuẩn bị mẫu và giải trình tự. Quy trình chuẩn bị mẫu ≤ 4.5 giờ.	kit	5
4	Bộ kit sàng lọc trước chuyển phôi loại 2	Bộ kit phân tích DNA thu được từ một hay nhiều tế bào sinh thiết phôi sử dụng cho sàng lọc trước chuyển phôi. Sàng lọc bất thường trên toàn bộ 24 nhiễm sắc thể. Sử dụng cho khuếch đại toàn bộ genome và giải trình tự gen. Tương thích với hệ thống giải trình tự gen Miseq/Miseq Dx. Bộ kit bao gồm các thành phần: - Hóa chất WGA - Hóa chất chuẩn bị thư viện, - Hóa chất tinh sạch - Hóa chất chạy máy Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Kit	10
5	Hóa chất chuẩn bị thư viện	Bộ kit chuẩn bị mẫu để giải trình tự các bộ gen nhỏ, PCR amplicon và plasmid. Thời gian chuẩn bị thư viện ≤ 90 phút. Lượng ADN đầu vào: 1 ng. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Kit	4
6	Hóa chất đánh dấu mẫu thư viện	Bao gồm các trình tự mồi index primer giúp đánh dấu phân biệt các mẫu thư viện khác nhau. Khả năng phân biệt ≥ 96 mẫu trong một thư viện. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Kit	1
7	Hóa chất chạy máy v2 300 cycles nano	Số lần đọc: ≥1 triệu lần. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Kit	2
8	Hóa chất chạy máy v2 300 cycles micro	Số lần đọc: ≥4 triệu lần. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Kit	4

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
9	Hóa chất kiểm tra thư viện Qubit	Hóa chất kiểm tra thư viện với độ nhạy: từ 0,2ng đến 100ng ds DNA. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Kít	15
10	Hoá chất tinh sạch sản phẩm PCR bằng hạt từ	Là hóa chất dùng để tinh sạch sản phẩm PCR ra khỏi các tạp chất trong dung dịch. Thu được DNA với độ tinh sạch và kích thước >100bp. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 9001.	Lọ	30
11	Dung dịch rửa phôi	Dung dịch rửa phôi, thành phần không chứa phenol red. Hộp ≥ 5x 0,2 ml. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 9001.	Hộp	20
12	Đệm rửa phôi PBS buffer	Đệm rửa phôi chuyên dụng thành phần tối thiểu gồm: 8 mM Na2HPO4, 2 mM KH 2PO4, 2.7 mM KCl, 137 mM NaCl, pH 7.4. Chai ≥ 500ml. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Chai	3
13	Kit phát hiện và phân tích các thể dị bội trên nhiễm sắc thể 13 bằng kỹ thuật QF-PCR	Kit phát hiện dị bội trên nhiễm sắc thể 13. Đạt chuẩn CE IVD hoặc tương đương. Kit ≥ 25 tests.	Kit	1
14	Kit phát hiện và phân tích các thể dị bội trên nhiễm sắc thể 18 bằng kỹ thuật QF-PCR	Kit phát hiện dị bội trên nhiễm sắc thể 18. Đạt chuẩn CE-IVD hoặc tương đương. Kit ≥ 25 tests.	Kit	1
15	Kit phát hiện và phân tích các thể dị bội trên nhiễm sắc thể 21 bằng kỹ thuật QF-PCR	Kit phát hiện dị bội trên nhiễm sắc thể 21. Đạt chuẩn CE-IVD hoặc tương đương. Kit ≥ 25 tests.	Kit	1
16	Kit phát hiện và phân tích các thể dị bội trên nhiễm sắc thể XY bằng kỹ thuật QF-PCR	Kit phát hiện dị bội trên nhiễm sắc thể XY. Đạt chuẩn CE-IVD hoặc tương đương. Kit ≥ 25 tests.	Kit	1
17	Kit sàng lọc các marker STS AZF cơ bản trên nhiễm sắc thể Y ở vùng AZFa, AZFb và AZFc	Kít phát hiện 8 markers sY255, sY127, sY134, sY86, sY84, sY254, ZFXY, sY14. Kit ≥ 25 tests. Đạt chuẩn CE IVD hoặc tương đương.	Kit	6

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
18	Kit xét nghiệm mở rộng hơn cho các vùng AZF khác nhau	Kit phát hiện 13 markers (sY160, gr/gr (sY1191, sY1192), ZFXY, sY14, sY1291, sY88, sY1065, sY82, sY83, sY153, sY121, sY105. Kit ≥ 25 tests. Đạt chuẩn CE hoặc tương đương.	Kit	6
19	Bộ căn chỉnh màu huỳnh quang	Hóa chất căn chỉnh huỳnh quang các dye: FAM, NED, ROX, VIC	Bộ	1
20	Kit phát hiện đồng thời 6 biến thể di truyền liên quan đến chứng rối loạn đông máu	Kít phát hiện các markers Factor V Leiden, G1691A/R506Q ; Factor V R2, H1299R ; Prothrombin/Factor II, G20210A ; 5,10 Methylenetetrahydrofolate Reductase (MTHFR), C677T; MTHFR, A1298C; Plasminogen Activator Inhibitor 1 (PAI-1/ SERPINE1) 4G/5G. Kit ≥ 48 phản ứng. Đạt chuẩn CE IVD hoặc tương đương.	Kit	10
21	Thang chuẩn chứa đoạn DNA được đánh dấu màu huỳnh quang Orange	Thang chuẩn chứa đoạn DNA được đánh dấu màu huỳnh quang Orange. Được dùng để đánh giá độ phân giải, cường độ và tín hiệu nền trên các thiết bị phân tích điện di mao quản, xác định kích thước các đoạn DNA.Tương thích với các thiết bị điện di mao quản Genetic Analyzer 3100, 3500 và 3730.	Kit	6
22	Môi trường nuôi cấy tế bào ối đầy đủ thành phần	Môi trường bổ sung đầy đủ cho sự phát triển của các tế bào nước ối người trong nuôi cấy ngắn hạn phục vụ cho việc nghiên cứu di truyền tế bào và các quy trình chẩn đoán in vitro. Lọ ≥100ml	Lọ	90
23	Môi trường nuôi cấy tế bào máu ngoại vi đầy đủ thành phần	Môi trường bổ sung đầy đủ, giúp cho sự phát triển các tế bào lympho máu ngoại vi trong nuôi cấy ngắn hạn, phục vụ cho các nghiên cứu di truyền tế bào và trong các quy trình chẩn đoán in vitro. Lọ ≥100ml	Lọ	54
24	Huyết thanh bào thai bê loại 1	Mức độ nội độc tố (Endotoxin): ≤ 5 EU/ml. Mức độ Hemoglobin: ≤ 10 mg/dl. Chai ≥ 500ml	Chai	2
25	PBS dạng viên	Không chứa: Calcium, Magnesium, Phenol Red. Nồng độ: ≥1X. Lọ ≥ 100 viên	Lọ	2
26	Hóa chất nhuộm Giemsa	Dung dịch được sử dụng cho kỹ thuật nhuộm băng G nhiễm sắc thể để phân tích tế bào học. Lọ ≥100ml	Lọ	10
27	Dung dịch đệm pha loãng thuốc nhuộm Giemsa	Chuẩn bị dung dịch đệm phosphat pH 6.8 (±5%), nhằm pha loãng thuốc nhuộm Giemsa sử dụng trong phương pháp nhuộm băng G nhiễm sắc thể, phục vụ chẩn đoán di truyền học tế bào.	Chai	1
28	Hóa chất bất hoạt tế bào hypotonic	Dung dịch hypotonic 0.075 M (±5%) dùng để mở rộng tế bào nhằm tạo điều kiện trải các nhiễm sắc thể kì metaphase trong karyotyping. Hộp ≥4x100ml	Hộp	10

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
29	Muối đệm cân bằng có phenol red	Tối thiểu chứa: Calcium, Magnesium, Glucose, Phenol Red. Không chứa: Sodium Pyruvate. Dải pH từ: 6.7 đến 7.8. Chai ≥ 500ml	Chai	10
30	Dung dịch 0.25% Trypsin- EDTA	Được làm từ bột trypsin, một hỗn hợp protease được chiếu xạ có nguồn gốc từ tuyến tụy lợn. Chất chelator: Có EDTA, có phenol red. Dải pH từ: 7.2 đến 8.0. Lọ ≥ 100ml.	Lọ	15
31	Dung dịch acid acetic tinh khiết cho sinh học phân tử	Chuyên dụng cho sinh học phân tử. Đạt tiêu chuẩn ISO. Chai ≥ 1 lít.	Chai	6
32	Methanol tinh khiết cho sinh học phân tử	Chuyên dụng cho sinh học phân tử. Đạt tiêu chuẩn ISO. Chai ≥ 1 lít.	Chai	18
33	Kit phát hiện tác nhân gây nhiễm trùng bào thai CMV/EBV/HHV	Có sẵn chứng dương và nội chuẩn IC. Bộ ≥ 100 test. Đạt chuẩn CE IVD hoặc tương đương	Bộ	1
34	Kit phát hiện tác nhân gây nhiễm trùng bào thai Rubella	Có sẵn chứng dương và nội chuẩn IC. Bộ ≥ 50 test. Đạt chuẩn CE IVD hoặc tương đương	Bộ	1
35	Kit phát hiện tác nhân gây nhiễm trùng bào thai Parvovirrus B19	Có sẵn chứng dương và nội chuẩn IC. Bộ ≥ 50 test. Đạt chuẩn CE IVD hoặc tương đương.	Bộ	1
36	Kit phát hiện tác nhân gây nhiễm trùng bào thai Toxoplasma gondii	Có sẵn chứng dương và nội chuẩn IC. Bộ ≥ 50 test. Đạt chuẩn CE IVD hoặc tương đương	Bộ	1
37	Kit phát hiện tác nhân gây nhiễm trùng bào thai Neisseria Gonorrhoeae	Có sẵn chứng dương và nội chuẩn IC. Bộ ≥ 100 test. Đạt chuẩn CE IVD hoặc tương đương	Bộ	1
38	Kit phát hiện tác nhân gây nhiễm trùng bào thai Streptococcus B	Có sẵn chứng dương và nội chuẩn IC. Bộ ≥ 100 test. Đạt chuẩn CE IVD hoặc tương đương	Bộ	1

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
39	Bộ kit cung cấp đầy đủ thành phần cho phản ứng PCR sử dụng công nghệ hotstart	Bộ kit cung cấp đầy đủ thành phần cho phản ứng PCR sử dụng công nghệ hotstart. Kit ≥ 100 phản ứng. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Kit	2
40	Hoá chất cho phản ứng PCR	Dung dịch pha sẵn tối thiểu chứa: Taq DNA polymerase, dNTPs, MgCl2 và các đệm phản ứng. Bao gồm 2 màu nhuộm xanh và vàng cho phép kiểm tra trong quá trình điện di. Hộp ≥ 100 Test. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Hộp	36
41	Hoá chất khuếch đại DNA bằng phản ứng PCR	Dung dịch pha sẵn tối thiểu chứa: Taq DNA polymerase, dNTPs, MgCl2 và các đệm phản ứng. Hộp ≥ 100 Test. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Hộp	2
42	Thang chuẩn 100 DNA	Thang chuẩn 100 DNA ứng dụng diện di DNA genomes. Lọ ≥ 50ug. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 9001.	Lọ	12
43	Thang chuẩn 1000 DNA	Thang chuẩn 1000 DNA ứng dụng diện di DNA genomes.Lọ ≥ 5x50ug. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 9001.	Lọ	12
44	Thuốc nhuôm gel	Thuốc nhuộm gel. Lọ ≥ 0,5ml. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 9001.	Lọ	12
45	Thạch điện di	Ứng dụng điện di với DNA kích thước: từ 100bp đến 30kb. Lọ ≥500gr. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 9001.	Lọ	5
46	Đệm điện di TAE	Sử dụng trong điện di. Nồng độ ≥10X. Bình ≥ 1 lít. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 9001.	Bình	12
47	Kit phát hiện đột biến Thalassemia Beta	Kit phát hiện đột biến Thalassemia Beta. Hộp ≥ 20 test.	Hộp	1
48	Acid HCl tuyệt đối dùng cho sinh học phân tử	Acid HCl tuyệt đối dùng cho sinh học phân tử. Chai ≥ 1 lít. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Chai	1
49	Cồn Isopropanol tinh khiết	Cồn Isopropanol tinh khiết. Bình ≥ 2,5 lit. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485	BÌnh	1
50	Dung dịch NaOH tinh khiết	Dung dịch tinh khiết, ứng dụng làm biến tính DNA. Chai ≥ 100ml. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Chai	1

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
51	Dung dịch rửa máy	Dung dịch rửa máy. Chai ≥ 50 ml. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Chai	10
52	Nước tinh khiết	Nước tinh khiết chuyên dụng cho sinh học phân tử, không chứa DNAse và RNAse. Chai ≥ 500 ml. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Chai	10
53	Kit khuếch đại bộ gen	Kit khuyếch đại bộ gen từ 1 tế bào, kit ≥ 96 test. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Kit	1
54	Mồi cho các phản ứng PCR	Mồi cho các phản ứng PCR. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 9001.	Ống	200
55	Mồi cho các phản ứng PCR có gắn probe	Probe gắn huỳnh quang. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 9001.	Ống	80
56	Chai nuôi cấy vô trùng có nắp lọc 25 cm^2	Diện tích nuôi cấy 25cm^2 (±5%) hở có màng lọc. Vật liệu: Polystyrene hoặc tương đương. Kiểu chai: hình hộp chữ nhật. Kiểu nắp: thông khí, được sản xuất bằng vật liệu Polyethylene hoặc tương đương. Thể tích trung bình nằm trong khoảng từ 5ml đến 7,5ml. Thể tích làm việc tối đa ≥ 10ml. Thùng ≥ 200 chai. Được tiệt trùng và không chứa nội độc tố.	Thùng	5
57	Ống PCR 0,2 ml	Ống PCR nắp phẳng, đáy chữ V. Tốc độ ly tâm góc tối đa: ≥18.000 vòng/phút. Có chứng nhận free Dnase, Rnase.	Cái	10.000
58	Strip PCR 0,2ml không kèm nắp	Strip PCR 0,2ml không kèm nắp. Có chứng nhận free Dnase, Rnase.	Strip	3.000
59	Strip PCR 0,2ml kèm nắp	Strip PCR 0,2ml kèm nắp. Có chứng nhận free Dnase, Rnase.	Strip	3.600
60	Hộp lưu mẫu 100 vị trí cho ống 1,5ml	Chất liệu: Nhựa polypropylene hoặc tương đương, màu trắng. Có thể khử dùng. Hộp ≥ 100 vị trí. Thùng ≥ 30 cái.	Thùng	2
61	Ống đo Qubit	Ống đo Qubit. Chất liệu: polypropylene hoặc tương đương, Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Túi	6
62	Hóa chất tinh sạch sản phẩm PCR	Thiết kế dạng cột. DNA thu hồi được sử dụng cho PCR, giải trình tự gen. kit ≥ 200 phản ứng. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 9001.	Kit	1

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
63	Dầu soi kính hiển vi	Dầu soi dùng cho kính hiển vi. Lọ ≥ 30 ml. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 9001.	Lọ	7
64	Khay đựng ống 2ml	Chất liệu: Nhựa polypropylene hoặc tương đương. Khay ≥80 vị trí,	Cái	10
65	Khay đựng ống 0.2ml	Chất liệu: Nhựa polypropylene hoặc tương đương. Khay ≥96 vị trí.	Cái	100
66	Dung dịch NaCL tinh khiết	Dung dịch NaCL tinh khiết, Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Chai ≥ 1 lít.	Chai	1
67	EDTA	EDTA. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485. Lọ ≥100 g.	Lọ	1
68	Sodium phosphate dibasic	Hóa chất cho sinh học phân tử. Độ tinh sạch đạt ≥ 99.5%. Lọ ≥250 g. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	Lọ	1
69	Giấy lau chuyên dụng	Giấy lau chuyên dụng dùng cho labo xét nghiệm. Hộp ≥238 tờ. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	hộp	5
70	Ống ly tâm 1,5ml	Ống ly tâm thể tích 1,5ml. Có chứng nhận free Dnase, Rnase. Túi ≥ 500 ống. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 9001.	Túi	10
71	Ống ly tâm 2ml	Ống ly tâm thể tích 2ml. Có chứng nhận free Dnase, Rnase. Túi ≥ 500 ống.Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 9001.	Túi	10
72	Ống ly tâm 15 ml	Ống ly tâm dung tích 15ml. Có chứng nhận free Dnase, Rnase, có thể khử trùng. Làm từ vật liệu Polypropylen hoặc tương đương. Túi ≥ 50 ống. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 9001.	Túi	40
73	Kit tách chiết DNA	Kít tách chiết bằng công nghệ cột. Từ các mẫu đầu vào: máu toàn phần, đờm, nước tiểu và dịch cơ thể. Hộp ≥ 200 tests.	Hộp	6
74	Kit chứa các đoạn DNA đánh dấu huỳnh quang màu LIZ	Chứa các đoạn DNA đánh dấu huỳnh quang màu LIZ. Được thiết kế để xác định các đoạn DNA trong dải kích thước từ 35 đến 500bp. Bao gồm tối thiểu 16 đoạn DNA mạch đơn có kích thước 20, 40, 60, 80, 100, 114, 120, 140, 160, 180, 200, 214, 220, 240, 250, 260, 280, 300, 314, 320, 340, 360, 380, 400, 414, 420, 440, 460, 480, 500, 514, 520, 540, 560, 580, 600 nucleotides. Kit ≥ 800 phản ứng.	Kít	2
75	Hóa chất chẩn đoán bệnh teo cơ tủy	Hóa chất chẩn đoán bệnh teo cơ tủy. Sử dụng trên hệ thống phân tích di truyền.	Kít	1

STT	Tên hàng hóa	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
76	Kali clorid tinh khiết	Kali clorid tinh khiết. Lọ ≥ 500gr.	Lọ	1
77	Ống 2ml	Thể tích 2ml. Đã tiệt trùng. Có chứng nhận free Dnase, Rnase. Hộp ≥ 500 cái.	Hộp	10
78	Hộp đầu côn có phin lọc các cỡ	Hộp đầu côn có phin lọc các cỡ. Có chứng nhận free Dnase, Rnase. Hộp ≥ 960tip. Tối thiểu đạt tiêu chuẩn ISO 9001.	Hộp	120

2. Địa điểm cung cấp, lắp đặt; các yêu cầu về vận chuyển, cung cấp, lắp đặt, bảo quản thiết bị y tế: Vận chuyển và lắp đặt tại khoa Dược – Bệnh viện Sản Nhi tỉnh Quảng Ninh.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: 12 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng: Thanh toán theo từng đợt giao hàng, sau khi bên mua nhận được đầy đủ chứng từ, biên bản bàn giao và nghiệm thu.

Bệnh viện xin trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:
- *Nt; SYTQN (đăng tải)*
- *Lưu: VT,KHTH.*

GIÁM ĐỐC

BỆNH VIỆN SẢN - NHI TỈNH QUẢNG NINH

Bùi Minh Cường

PHỤ LỤC

BÁO GIÁ

Kính gửi: ... ***[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]***

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của... *[ghi rõ tên của Chủ đầu tư yêu cầu báo giá]*, chúng tôi .... *[ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh]* báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Thông số kĩ thuật cơ bản	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng/khối lượng	Đơn giá (VAT) (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) (VND)	Thành tiền(11) (VND)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
1	Thiết bị A										
2	Thiết bị B										
3											

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: .... ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... *[ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày]*, kể từ ngày ... tháng... năm ... *[ghi ngày ....tháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá]*.

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

Ngày……..tháng……..năm……..

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))